

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2020/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 07 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;**Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;**Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;**Căn cứ Thông báo số 82/TB-HĐND ngày 18 tháng 11 năm 2019 về kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về một số nội dung Ủy ban nhân dân tỉnh trình giữa 02 kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2016 - 2021**Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 3227/TTr-STC ngày 31 tháng 10 năm 2019 và Văn bản số 3914/STC-QLGCS ngày 30 tháng 12 năm 2019.***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kon Tum (*Chi tiết tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo*).

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập ban hành kèm theo Quyết định này được sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao đầu tư xây dựng, thuê diện tích chuyên dùng, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

2. Định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Quyết định này là định mức tối đa. Đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức đã xây dựng trụ sở, trong đó có bố trí diện tích chuyên dùng chưa đúng theo tiêu chuẩn, định mức quy định kèm theo Quyết định này thì không xây dựng bổ sung diện tích chuyên dùng mà chỉ thực hiện việc bố trí, sắp xếp diện tích trụ sở hiện có cho phù hợp với điều kiện thực tế đảm bảo phục vụ công tác.

3. Đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với tính chất công việc, phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

4. Ngoài tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập nêu trên, trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Tài chính*) để được xem xét điều chỉnh, bổ sung theo quy định.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2020./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Hòa

PHỤ LỤC I**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG DIỆN TÍCH CHUYÊN DỤNG CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH KON TUM**

(Kèm theo Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Loại diện tích	Định mức sử dụng tối đa (m ²)
A	KHỐI TỈNH	
I	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công	700
II	Diện tích phòng tiếp dân	380
III	Diện tích phòng quản trị hệ thống công nghệ thông tin	50
IV	Diện tích Hội trường lớn (từ 100 chỗ trở lên)	0,8 m ² /chỗ ngồi
V	Diện tích kho chuyên ngành như: Kho bảo quản các tài sản khác theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đặc thù của ngành,...	
1	Kho quản lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính	400
2	Kho lưu trữ, bảo quản tài liệu	200m ² /kho
3	Kho lưu trữ chuyên dụng	4.000
VI	Diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức	
1	Phòng sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	40
2	Phòng máy in giấy phép lái xe	18
B	KHỐI HUYỆN, THÀNH PHỐ	
I	Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ hành chính	
1	Cấp huyện, thành phố	80
2	Cấp xã	40
II	Diện tích phòng tiếp dân	
1	Cấp huyện, thành phố	80
2	Cấp xã	40
III	Diện tích phòng quản trị hệ thống công nghệ thông tin	
1	Cấp huyện, thành phố	40
2	Cấp xã	30
IV	Diện tích Hội trường lớn (từ 100 chỗ trở lên)	
1	Cấp huyện, thành phố và cấp xã	0,8m ² / chỗ ngồi
V	Diện tích kho lưu trữ, bảo quản tài liệu	
1	Cấp huyện, thành phố	200m ² /kho
2	Cấp xã	150

PHỤ LỤC II
TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG CÔNG TRÌNH SỰ NGHIỆP CỦA
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA
TỈNH KON TUM

*(Kèm theo Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

STT	Loại diện tích	Định mức sử dụng tối đa (m ²)
A	KHỐI TỈNH	
I	Công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực văn hóa, xã hội, thể dục thể thao	
1	Đài Phát thanh và Truyền hình	
-	Phòng kỹ thuật SXCT phát thanh, truyền hình	580
-	Phim trường thời sự	100
-	Phim trường văn nghệ	220
-	Phim trường giao lưu	500
-	Trung tâm phát sóng	250
2	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	
2.1	Trung tâm bảo trợ và công tác xã hội tỉnh	
-	Nhà ở cho đối tượng	1.500
2.2	Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh	
-	Phòng bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tìm kiếm việc làm, kỹ năng làm việc cho người lao động, học ngoại ngữ...	60
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
3.1	Trung tâm Huấn luyện và thi đấu Thể dục thể thao tỉnh	
-	Nhà Thi đấu đa năng	930
-	Sân vận động	24.280
-	Nhà thi đấu tổng hợp	8.700
3.2	Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật tỉnh	
-	Công trình trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh	7.070
3.3	Bảo tàng - Thư viện	
-	Diện tích trưng bày bảo tàng ngoài trời (bao gồm cả phần diện tích nền XD)	32.000
-	Diện tích trưng bày bảo tàng	3.990
-	Diện tích nhà kho bảo tàng	610
-	Diện tích hoạt động nghiệp vụ thư viện (kho thư viện và xử lý nghiệp vụ sách...)	2.010
-	Diện tích Nhà trưng bày, nhà quản lý khu di tích lịch sử ngục Kon Tum	880
II	Công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường	

STT	Loại diện tích	Định mức sử dụng tối đa (m ²)
1	Ban Quản lý Vườn quốc gia Chư Mom Ray	
-	Trung tâm nghiên cứu và bảo quản tiêu bản	300
-	Nhà luyện tập đa năng phục vụ công tác QLVR, PCCCR	250
III	Công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực các lĩnh vực khác	
1	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	
	Ban Quản lý cửa khẩu quốc tế Bờ Y	
-	Diện tích công trình sự nghiệp phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh của các ngành chức năng tại cửa khẩu quốc tế Bờ Y	2.260
2	Sở Khoa học và Công nghệ	
	Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng và dịch vụ khoa học và công nghệ	
-	Phòng nuôi cấy mô tế bào thực vật	150
-	Phòng nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm từ dược liệu	80
-	Phòng thí nghiệm và sản xuất nấm, vi sinh	200
-	Phòng kiểm định- hiệu chuẩn phương tiện đo, chuẩn đo lường	100
-	Phòng thử nghiệm (gồm các lĩnh vực thử nghiệm hóa - lý, vi sinh và cơ lý - vật liệu xây dựng)	200
-	Nhà màng	5.000
-	Xưởng sản xuất chế phẩm, giá thể hữu cơ...	200
-	Nhà kho	120
-	Nhà trưng bày và giới thiệu sản phẩm	60
3	Sở Thông Tin và Truyền Thông	
	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	
-	Phòng đào tạo	60
-	Phòng dữ liệu (Trung tâm THDL)	70
4	Văn phòng UBND tỉnh	
-	Nhà khách Hữu Nghị	2.730
B	KHỐI HUYỆN, THÀNH PHỐ	
	Công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực văn hóa, xã hội, thể dục thể thao	
-	Nhà Văn hóa	1.200
-	Đài truyền thanh truyền hình huyện	350
-	Nhà/phòng thư viện	420
-	Phòng tuyên truyền - lưu động	60
-	Nhà Thi đấu đa năng	1.500